TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 605/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2023/HNST ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Quốc D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 304/56 đường C, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Lý Thị Mai T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đường 5B, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 82/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú

Người giám hộ của bị đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1946; Địa chỉ: đường 5B, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đặng Quốc D trình bày: Ông và bà Lý Thị Mai T sống chung với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/5/1999.

Trong qúa trình chung sống thì bà T bị bệnh mất ngủ một thời gian dài dẫn đến bị mất khả năng nhận thức và hành vi. Theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 82/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân quận

Tân Phú tuyên bố Lý Thị Mai T mất năng lực hành vi dân sự. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Lý Thị Mai T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đặng Quý Q, sinh ngày 30/7/1999. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Lý Thị Mai T bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 82/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Bà Mai Thị N là mẹ của bà T, được Tòa án chỉ định tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ trình bày: Bà là người trực tiếp chăm sóc cho bà T từ khi bị bệnh và mất năng lực hành vi dân sự. Với tư cách là người đại diện của bà T thì bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà N không có yêu cầu ông D phải cấp dưỡng cho bà T.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nvà ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Đặng Quốc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lý Thị Mai T; bà Tđang cư trú tại địa chỉ đường 5B, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Do các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 43/TH, đăng ký ngày 13/5/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 13,

quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà ông D và bà T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn: Ông Dyêu cầu ly hôn vì bà T đã mất năng lực hành vi dân sự, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng.

Xét vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà Trinh mất năng lực hành vi dân sự đã lâu, dẫn đến không thể quan tâm, chăm sóc chồng con, khiến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của ông D và bà Tđã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Dyêu cầu được ly hôn là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đặng Quý Q, sinh ngày 30/7/1999. Hiện nay Đặng Quý Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà T mất năng lực hành vi dân sự nhưng người giám hộ là bà Mai Thị N không có yêu cầu ông D phải cấp dưỡng cho bà T nên Tòa án không giải quyết.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do nguyên đơn là ông D chịu.

[9] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 77, 78, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 và Điều 54 Bộ luật Dân sự; Điều 24, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Quốc D được ly hôn với bà Lý Thị Mai T.

2. Về con chung: Ông D và bà T có một con chung Đặng Quý Q, sinh ngày

30/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông D xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông D chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014060 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Dũng đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý